

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7-16



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Liệu	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 17/03/2011)
Ông Lê Quốc Hưng	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Bài	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 17/03/2011)
Ông Trần Anh Thái	Thành viên	
Ông Nguyễn Tài Anh	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Bài	Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 18/03/2011)
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 18/03/2011)
Ông Văn Xuân Anh	Phó Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 17/06/2011)
Ông Nguyễn Xuân Bài	Phó Giám đốc	
Ông Ngô Vũ An	Phó Giám đốc	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Xuân Bài
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2012

Số: /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo lập ngày 14/02/2012 của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 16. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi cũng xin lưu ý vấn đề sau

Như đã trình bày trong phần thuyết minh số 6 phần thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2010 Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu theo tiến độ kế hoạch với giá trị là 12.670.961.113 đồng căn cứ theo bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Công ty tự xác định và đã kết chuyển giá vốn tương ứng với phần doanh thu đã ghi nhận này là 9.493.835.421 đồng làm tăng lợi nhuận năm 2010 lên một khoản tương ứng là 3.177.125.692 đồng. Số dư các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng này đến 31/12/2011 chưa được thanh toán và số tiền là 6.264.342.204 đồng.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV



Trish Thị Hồng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0026/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.026.081.980	32.031.072.699
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.094.231.515 ✓	1.632.984.573 ✓
1. Tiền	111		1.631.546.515	1.632.984.573
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.462.685.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.680.647.057 ✓
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.680.647.057
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.535.274.655 ✓	22.401.197.887 ✓
1. Phải thu khách hàng	131		5.501.565.896	2.738.247.185
2. Trả trước cho người bán	132		998.003.645	6.911.225.725
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	6.760.704.672	12.670.961.113
4. Các khoản phải thu khác	135		275.000.442	80.763.864
IV. Hàng tồn kho	140	7	9.139.881.398 ✓	5.516.300.182 ✓
1. Hàng tồn kho	141		9.139.881.398	5.516.300.182
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.256.694.412 ✓	799.943.000 ✓
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		295.465.312	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	961.229.100	799.943.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		2.048.762.948 ✓	2.577.973.401 ✓
I. Tài sản cố định	220		1.888.742.738 ✓	2.374.189.852
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.877.576.068	2.340.689.850
- Nguyên giá	222		3.940.368.770	3.915.459.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.062.792.702)	(1.574.769.828)
2. Tài sản cố định vô hình	227		11.166.670	33.500.002
- Nguyên giá	228		67.000.000	67.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(55.833.330)	(33.499.998)
II. Tài sản dài hạn khác	260		160.020.210 ✓	203.783.549 ✓
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	160.020.210	203.783.549
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		33.074.844.928	34.609.046.100

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		11.606.179.052 ✓	16.763.486.101 ✓
I. Nợ ngắn hạn	310		11.606.179.052	16.763.486.101
1. Phải trả người bán	312		2.304.904.327	3.497.262.409
2. Người mua trả tiền trước	313		3.665.029.681	6.108.718.219
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	417.255.044	341.449.691
4. Phải trả người lao động	315		468.457.207	35.869.222
5. Chi phí phải trả	316	12	4.227.124.745	6.700.499.668
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	523.408.048	79.686.892
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	14	21.468.665.876 ✓	17.845.559.999 ✓
I. Vốn chủ sở hữu	410		21.468.665.876	17.845.559.999 ✓
1. Vốn điều lệ	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		1.468.665.876	(2.154.440.001)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		33.074.844.928	34.609.046.100



Nguyễn Xuân Bài
Giám đốc

(Handwritten signature)

Nguyễn Văn Đàm
Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Phùng Lan Anh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		15.598.258.771 ✓	29.611.766.773 ✓
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.598.258.771	29.611.766.773
3. Giá vốn hàng bán	11		11.003.014.123 ✓	23.595.885.619 ✓
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		4.595.244.648	6.015.881.154
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		557.368.694 ✓	279.556.320 ✓
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.788.659.051 ✓	5.910.052.113 ✓
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		363.954.291	385.385.361
8. Thu nhập khác	31		11.244.727.473 ✓	-
9. Chi phí khác	32		6.870.992.091 ✓	-
10. Lợi nhuận khác	40	16	4.373.735.382	-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.737.689.673	385.385.361
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	1.114.583.796 ✓	-
13. Lợi nhuận sau thuế	60		3.623.105.877	385.385.361
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	1.812	193



Nguyễn Xuân Bài
Giám đốc

Nguyễn Văn Đàm
Kế toán trưởng

Phùng Lan Anh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.737.689.673 ✓	385.385.361
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(47.012.488)	679.590.118
- Khấu hao tài sản cố định	02	510.356.206	679.590.118
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(557.368.694)	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	4.690.677.185	1.064.975.479
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	8.704.637.132	(14.531.811.752)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(3.623.581.216)	1.114.090.699
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(5.157.307.049)	10.858.933.528
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(251.701.973)	(424.032.843)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.114.583.796)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.911.897.818
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.248.140.283	(5.947.071)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(24.909.092)	(1.959.977.619)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(2.680.647.057)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.680.647.057	6.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	557.368.694	279.556.320
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.213.106.659	1.638.931.644
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.461.246.942	1.632.984.573
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.632.984.573 ✓	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.094.231.515 ✓	1.632.984.573



Nguyễn Xuân Bài
 Giám đốc

(Signature)

Nguyễn Văn Đàm
 Kế toán trưởng

(Signature)

Phùng Lan Anh
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/08/2011.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

Các cổ đông sáng lập của Công ty gồm:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.200.000.000	1.020.000	51,0%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.739.000.000	373.900	18,7%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý nguồn điện Việt Nam	660.000.000	66.000	3,3%
	14.599.000.000	1.459.900	73,0%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 62 người (tại ngày 31/12/2010 là 65 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Giám sát thi công xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, lĩnh vực lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện; Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế kiến trúc, thiết kế quy hoạch, nội thất công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế công trình thủy lợi thủy điện;
- Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát thiết kế công trình thủy lợi, hạ tầng, nông thôn: cấp thoát nước, môi trường; Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Thiết kế xây dựng các công trình ngầm và khai thác mỏ; Thiết kế xây dựng công trình điện; Thiết kế lắp đặt thiết bị điều khiển tự động công trình thủy điện; Thiết kế công trình trên sông; Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ; Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế kết cấu công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện thấp sáng, điện dung năng lượng mặt trời, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: Giá trị vốn góp của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam là 10.200.000.000 đồng tương đương 51% - Quan hệ dưới dạng công ty mẹ - công ty con.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na: Là công ty quan hệ dưới dạng công ty mẹ - công ty con với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong năm nay, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng
Phần mềm máy tính	3

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ chờ phân bổ. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi số bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả trong năm là các chi phí trích trước cho công trình, dự án, bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lương, chi phí sản xuất chung.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Tại ngày 31/12/2011, Công ty không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào cần được ghi nhận do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011		31/12/2010
	VND		VND
Tiền mặt	357.667.072	✓	245.994.878
Tiền gửi ngân hàng	1.273.879.443	✓	1.386.989.695
Các khoản tương đương tiền (*)	5.462.685.000	✓	-
	<u>7.094.231.515</u>		<u>1.632.984.573</u> ✓

Ghi chú: (*) Các khoản tương đương tiền trình bày các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2011		31/12/2010
	VND		VND
Phải thu công trình Ngòi Hút	1.372.847.143		7.779.466.052
Phải thu công trình Nặm Pàn (Tư vấn thiết kế)	3.530.695.061		3.530.695.061
Phải thu công trình Nặm Pàn (Khảo sát)	1.360.800.000		1.360.800.000
Phải thu công trình Nặm Chá	496.362.468		-
	<u>6.760.704.672</u> ✓		<u>12.670.961.113</u> ✓

Trong năm 2010, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu theo tiến độ kế hoạch với giá trị là 12.670.961.113 đồng căn cứ theo bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Công ty tự xác định và đã kết chuyển giá vốn tương ứng với phần doanh thu đã ghi nhận này là 9.493.835.421 đồng làm tăng lợi nhuận năm 2010 lên một khoản tương ứng là 3.177.125.692 đồng. Số dư các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng này đến 31/12/2011 chưa được thanh toán với số tiền là 6.264.342.204 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.139.881.398	5.516.300.182
	<u>9.139.881.398</u> ✓	<u>5.516.300.182</u> ✓
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>9.139.881.398</u>	<u>5.516.300.182</u>

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản tạm ứng	961.229.100	799.943.000
	<u>961.229.100</u> ✓	<u>799.943.000</u> ✓

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2010	3.062.558.100	852.901.578	3.915.459.678 ✓
Mua trong năm	-	24.909.092	24.909.092
Tại ngày 31/12/2011	<u>3.062.558.100</u>	<u>877.810.670</u>	<u>3.940.368.770</u> ✓
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 31/12/2010	883.790.142	690.979.686	1.574.769.828 ✓
Khấu hao trong năm	388.879.836	99.143.038	488.022.874
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.272.669.978</u>	<u>790.122.724</u>	<u>2.062.792.702</u> ✓
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	2.178.767.958	161.921.892	2.340.689.850 ✓
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.789.888.122</u>	<u>87.687.946</u>	<u>1.877.576.068</u> ✓

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Số dư đầu năm	203.783.549	125.246.900
Tăng trong năm	220.566.670	269.766.293
Phân bổ vào chi phí trong năm	(264.330.009)	(191.229.644)
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán	<u>160.020.210</u> ✓	<u>203.783.549</u> ✓

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	410.303.986	292.698.726
Thuế thu nhập cá nhân	6.951.058	48.750.965
	417.255.044 ✓	341.449.691 ✓

Ghi chú: () Thuế thu nhập cá nhân được Công ty tạm tính, số thuế chính thức phải nộp sẽ được điều chỉnh khi làm quyết toán năm với cơ quan thuế.*

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trích trước chi phí công trình, dự án	4.227.124.745	6.700.499.668
	4.227.124.745 ✓	6.700.499.668 ✓

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	15.126.115	77.186.938
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	2.499.954
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiền phí thương hiệu	507.707.707	-
Phải trả, phải nộp khác	574.226	-
	523.408.048 ✓	79.686.892 ✓

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại ngày 31/12/2009	20.000.000.000	(2.528.816.587) ✓
Lợi nhuận trong năm	-	385.385.361
Giảm khác trong năm	-	(11.008.775)
Số dư tại ngày 31/12/2010	20.000.000.000	(2.154.440.001)
Lợi nhuận trong năm	-	3.623.105.877
Số dư tại ngày 31/12/2011	20.000.000.000	1.468.665.876 ✓

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/08/2011, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp 31/12/2011	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.200.000.000	51	10.200.000.000	51
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.739.000.000	18,7	3.739.000.000	18,7
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý nguồn điện Việt Nam	660.000.000	3,3	660.000.000	3,3
Các cổ đông khác	5.401.000.000	27	5.401.000.000	27
	20.000.000.000	100	20.000.000.000	100

Tình hình phát hành cổ phiếu của công ty

	Năm 2011	Năm 2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	2.000.000	2.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	2.000.000	2.000.000

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	710.394.745	533.450.924
Chi phí nhân công	7.659.212.139	8.073.652.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	513.247.313	679.590.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.752.866.368	4.032.957.164
Chi phí khác	4.827.844.268	5.045.007.284
Cộng	16.463.564.833	18.364.657.548

16. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2011
	VND
Thu nhập khác	11.244.727.473 ✓
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	11.244.727.273 ✓
Thu khác	200
Chi phí khác	6.870.992.091
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	6.786.392.091 ✓
Chi phí khác	84.600.000 ✓
Lợi nhuận thuần khác	4.373.735.382 ✓

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	4.737.689.673	385.385.361
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	279.354.491	385.385.361
Lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.458.335.182 ✓	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	4.737.689.673 ✓	385.385.361
Chuyển lỗ năm 2008 (*)	(279.354.491)	(385.385.361)
Thu nhập tính thuế	4.458.335.182 ✓	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>1.114.583.796</u>	<u>-</u>

Ghi chú: (*) Công ty thực hiện việc chuyển lỗ kinh doanh năm 2008 liên tục vào kết quả kinh doanh từ năm 2010 đến nay.

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.623.105.877	385.385.361
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.812	193
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.654.268.099	2.100.625.327
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	30.218.182	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	607.048.041	-
Số dư các bên liên quan		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	225.718.329	-

the 1982-1983 season, the 1983-1984 season, and the 1984-1985 season.

The 1982-1983 season was the first year that the 1982-1983 season was included in the analysis.

The 1983-1984 season was the second year that the 1983-1984 season was included in the analysis.

The 1984-1985 season was the third year that the 1984-1985 season was included in the analysis.

The 1985-1986 season was the fourth year that the 1985-1986 season was included in the analysis.

The 1986-1987 season was the fifth year that the 1986-1987 season was included in the analysis.

The 1987-1988 season was the sixth year that the 1987-1988 season was included in the analysis.

The 1988-1989 season was the seventh year that the 1988-1989 season was included in the analysis.

The 1989-1990 season was the eighth year that the 1989-1990 season was included in the analysis.

The 1990-1991 season was the ninth year that the 1990-1991 season was included in the analysis.

The 1991-1992 season was the tenth year that the 1991-1992 season was included in the analysis.

The 1992-1993 season was the eleventh year that the 1992-1993 season was included in the analysis.

The 1993-1994 season was the twelfth year that the 1993-1994 season was included in the analysis.

The 1994-1995 season was the thirteenth year that the 1994-1995 season was included in the analysis.

The 1995-1996 season was the fourteenth year that the 1995-1996 season was included in the analysis.

The 1996-1997 season was the fifteenth year that the 1996-1997 season was included in the analysis.

The 1997-1998 season was the sixteenth year that the 1997-1998 season was included in the analysis.

The 1998-1999 season was the seventeenth year that the 1998-1999 season was included in the analysis.

The 1999-2000 season was the eighteenth year that the 1999-2000 season was included in the analysis.

The 2000-2001 season was the nineteenth year that the 2000-2001 season was included in the analysis.

The 2001-2002 season was the twentieth year that the 2001-2002 season was included in the analysis.

The 2002-2003 season was the twenty-first year that the 2002-2003 season was included in the analysis.

The 2003-2004 season was the twenty-second year that the 2003-2004 season was included in the analysis.

The 2004-2005 season was the twenty-third year that the 2004-2005 season was included in the analysis.